

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/DSST

Ngày: 27/02/2026

V/v: Tranh chấp

hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang N

2. Bà Phạm Thị Thanh H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1121/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV;

Địa chỉ trụ sở: 89 Láng H, phường Đồng Đ, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 96 Cao T, phường Bàn C, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng N, ông Lê Viết Quý D là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 22867/2025/UQ-VBP ngày 10/10/2025) (ông Nguyễn Ngọc Hoàng N có mặt, ông Lê Viết Quý D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 8 Đường 60, phường Bình P, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV do ông Nguyễn Ngọc Hoàng N là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ông Trần Ngọc T và Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã ký kết các Hợp đồng vay như sau:

1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022 để vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, với lãi suất là 20%, mục đích vay là vay tiêu dùng cá nhân. Ngày 01/6/2022, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay nêu trên cho ông T.

Quá trình vay, ông T đã trả được số tiền gốc 33.476.119 đồng, lãi 53.061.418 đồng.

Ông T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/8/2023, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền 206.523.881 đồng sang nợ quá hạn từ ngày 05/8/2023.

2. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử mở ngày 08/12/2022, hạn mức thẻ là 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, với lãi suất là 39,48%, mục đích vay là vay tiêu dùng cá nhân. Ngày 08/12/2022, Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho ông T.

Ông T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12/8/2023, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền 76.525.084 đồng sang nợ quá hạn từ ngày 12/8/2023.

3. Hợp đồng cho vay số LD2307201538 ngày 13/3/2023 để vay số tiền 65.000.000 đồng, thời hạn vay là 57 tháng, với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 32%/năm, mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Ngày 13/3/2023, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ khoản vay nêu trên cho ông Trần Ngọc T.

Quá trình vay, ông T đã trả được gốc 2.566.417 đồng, lãi 6.410.098 đồng

Ông T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/8/2023, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền 62.433.583 đồng sang nợ quá hạn từ ngày 05/8/2023.

Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam TV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng, tạm tính đến ngày 27/02/2026 là 745.327.673 đồng, trong đó nợ gốc là 345.482.548 đồng, nợ lãi là 399.845.125 đồng. Ông Trần Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho đến khi ông T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông T đồng ý trả ngay thì thời hạn trả nợ là 01 tháng, còn không thì

Ngân hàng yêu cầu ông T trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. T hợp ông T yêu cầu trả khoản nợ trên trong hạn 03 năm thì Ngân hàng không đồng ý, vì khoản nợ này đã kéo dài nhiều năm.

Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Năm 2022, ông T có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV và các khoản vay theo Ngân hàng đã trình bày. Từ lúc mở thẻ tín dụng và vay khoản vay, ông luôn tuân thủ thanh toán đúng hạn và thanh toán đúng số tiền theo quy định. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2025, gia đình ông gặp khó khăn về tài chính, thu nhập bản thân ông cũng giảm nghiêm trọng đồng thời chi phí sinh hoạt gia đình tăng cao nên ông cũng dần không có khả năng chi trả. Đến tháng 8 năm 2023, ông có đề nghị gia hạn thời gian trả nợ cũng như gửi đơn đến Ngân hàng nhưng phía Ngân hàng kéo dài thời gian giải quyết và không xử lý đề nghị của ông. Vì khả năng tài chính không đủ nên sau đó ông đã tạm ngưng thanh toán cho Ngân hàng. Phía nguyên đơn cũng nhiều lần thông báo nhắc nợ và làm việc trao đổi với ông về việc tắt toán khoản vay và nợ thẻ tín dụng, ông cũng đã trình bày về hoàn cảnh hiện tại và đề nghị Ngân hàng cho ông thanh toán mỗi tháng một ít nhưng Ngân hàng từ chối.

Ông T xác nhận có nợ Ngân hàng số tiền 704.662.107đồng, trong đó nợ gốc là 345.482.548đồng, nợ lãi là 359.179.559đồng theo 03 hợp đồng nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền còn nợ như đại diện Ngân hàng trình bày là số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng, tạm tính đến ngày 27/02/2026 là 745.327.673đồng, trong đó nợ gốc là 345.482.548đồng, nợ lãi là 399.845.125đồng. Tuy nhiên, trước đây ông T đã trình bày là xin Ngân hàng giảm lãi, khoan nợ số tiền còn phải trả, gia hạn cho thời gian để tắt toán số tiền cần phải trả trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 18/12/2025. Nay ông T đồng ý trả khoản nợ trên, bằng cách trả trong thời hạn 03 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV buộc ông Trần Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 745.327.673đồng, trong đó nợ gốc là 345.482.548đồng, nợ lãi là 399.845.125đồng.

Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Mức lãi suất quy định tại hợp đồng các bên đã ký.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV có ông Nguyễn Ngọc Hoàng Nam, ông Lê Viết Quý D là đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa, ông Hoàng Nam có mặt tại phiên tòa và ông Quý D có yêu cầu vắng mặt. Bị đơn ông Trần Ngọc T có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của đương sự: Căn cứ vào văn bản ủy quyền thể hiện việc ủy quyền của đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Qua nghiên cứu nội dung vụ án xét thấy ông Trần Ngọc T còn nợ lại số tiền gốc và lãi theo các Hợp đồng vay nên Ngân hàng TMCP Việt Nam TV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc T phải thanh toán theo các hợp đồng trên. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Ngọc T có địa chỉ cư trú tại số 8 Đường 60, phường Bình P, Thành phố Hồ Chí M. Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy các Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử mở ngày 08/12/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2307201538 ngày 13/3/2023 có chữ ký của ông Trần Ngọc T cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho ông Trần Ngọc T. Sau khi được cấp tín dụng, ông Trần Ngọc T đã thực hiện nhiều lần giao dịch và đã thanh toán được tổng cộng số tiền 95.514.052 đồng cho Ngân hàng theo các Hợp đồng nêu trên. Sau đó, ông T không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng, mặc dù đã được Ngân hàng TMCP Việt Nam TV nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên từ tháng 8/2023 Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ và hợp đồng vay của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng, Điều 95 quy định về “Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất” của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ này đều có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc T cũng đã thừa nhận việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, như vậy đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do bị đơn ông Trần Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV buộc bị đơn ông Trần Ngọc T phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 745.327.673 đồng, trong đó nợ gốc là 345.482.548 đồng, nợ lãi là 399.845.125 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Nay ông T yêu cầu tã tổng khoản nợ tên tong hạn 03 năm là không phù hợp, mà nghĩ nên buộc ông T phải trả số tiền nợ gốc và lãi làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV yêu cầu bị đơn ông Trần Ngọc T tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 28/02/2026 trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Đối với T hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định*

của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tổng khoản nợ trên là 745.327.673 đồng theo các Hợp đồng vay, nên án phí bị đơn phải chịu là 33.813.107 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV: Buộc ông Trần Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền vay còn thiếu theo các Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 27/5/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử mở ngày 08/12/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2307201538 ngày 13/3/2023, tính đến ngày 27/02/2026 là 745.327.673 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng), cụ thể: nợ gốc là 345.482.548 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 399.845.125 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/02/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Trần Ngọc T còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng vay nêu trên. T hợp tại các Hợp đồng vay nêu trên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.813.107 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm lẻ bảy đồng).

Ngân hàng TMCP Việt Nam TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.595.739 đồng (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028779 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực B;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Hồng N